Địa Chất Thủy Văn k54

Nhóm 4

Danh sách nhóm:

1. Nguyễn Phan Thiết ©
2. Trần Nhật Anh
3. Khương Thị Ngân
4. Tống Thị Nhàn
5. Bạch Văn Tú
6. Hoàng Văn Bình
7. Phạm Văn Công

-Khu vực nghiên cứu là khu vực nam Việt Nam,đây là một khu vực khá rộng lớn và kéo dài gần như suốt chiều dài Việt Nam bao gồm có: dải đất hẹp miền trung kéo dài từ Nghệ An đến Bình Thuận .Khu vực này gồm có 19 tỉnh thành phố.Phía đông giáp biển Đông,phía tây giáp Lào Tiếp theo là Nam Bộ.Bao gồm 17 tỉnh thành phố trong đó có 2 thành phố trực thuộc trung ương là: TPHCM và TP Cần Thơ.Phía Tây giáp Campuchia, phía đông giáp biển Đông và phía Nam giáp Vịnh Thái Lan.

N
W
E
S
cam pu chia
vịnh thái lan
biển đông
BÌNH PHƯỚC
TÂY NINH
BÌNH DƯƠNG
ĐỒNG NAI
LONG AN
TP HỒ CHÍ MINH
BÀ RỊA VŨNG TÀU
ĐỒNG THÁP
AN GIANG
TIỀN GIANG
BẾN TRE
CẦN THƠ
VĨNH LONG
KIÊN GIANG
HẬU GIANG
TRÀ VINH
SÓC TRĂNG
BẠC LIÊU
CÀ MAU

NGHE AN
HA TINH
QUANG BINH
QUANG TRI
THUA THIEN HUE
DA NANG
QUANG NAM
QUANG NGAI
KON TUM
Lào
BINH DINH
GIA LAI
PHU YEN
DAC LAC
KHANH HOA
LAM DONG
NINH THUAN
BINH THUAN
HOANG SA (DA NANG)
biển Đông
TRUONG SA (KHANH HOA)

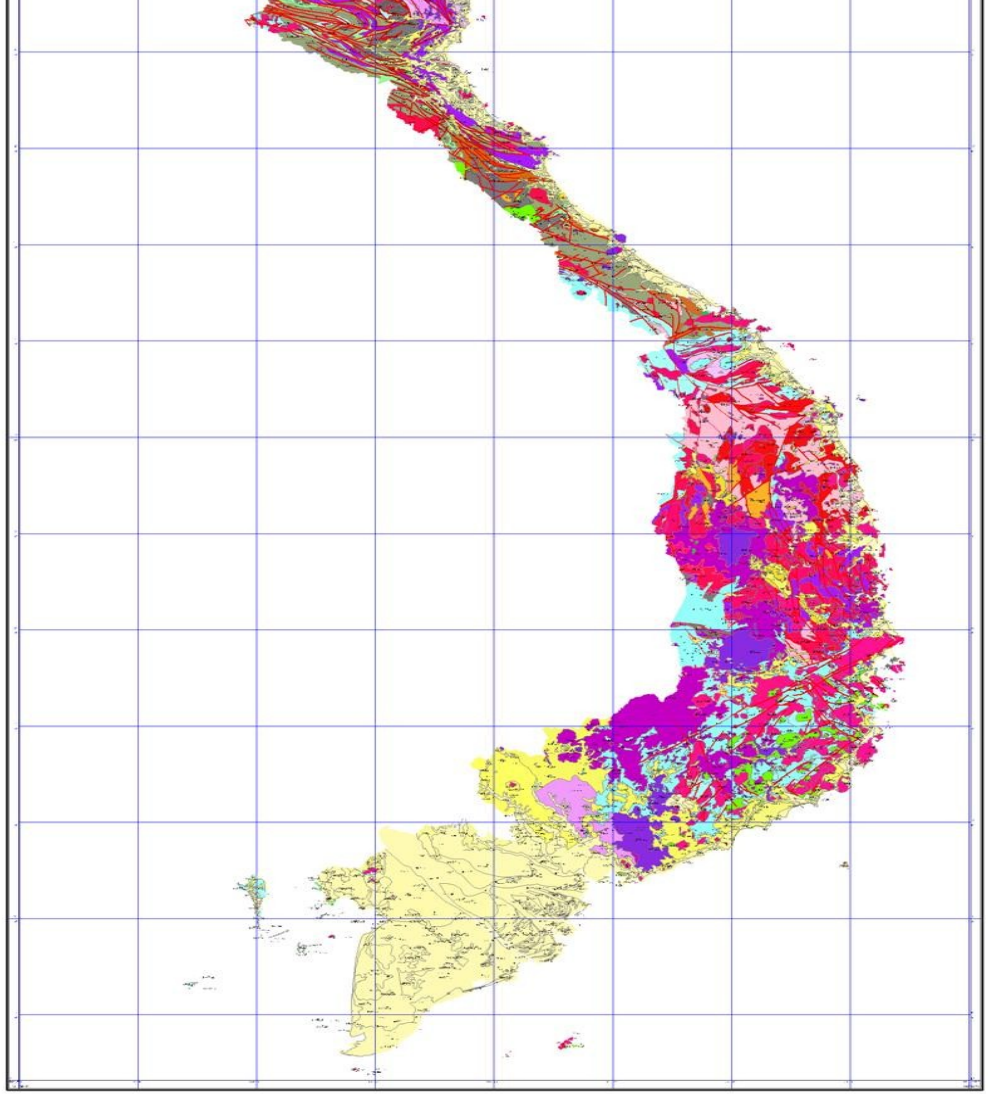

Bản đồ địa chất khu vực nam Việt Nam

Bao gồm trung bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ

Vùng nghiên cứu được chia làm 4 liên dãy là:

- Dãy neoproterozoi thượng – cambri hạ
- Dãy cambri trung – Ordovic hạ
- Dãy devon – cambri hạ
- Dãy cacbon hạ - permi

I. Dãy neoproterozoi thượng – cambri hạ

stt	Tên địa tầng	Địa danh xác lập hệ tầng	Tác giả xác lập	Tuổi	Đặc điểm thạch học chủ yếu
1	Khâm Đức – Núi Vú	Từ vùng bắc Ngọc Linh đến Khâm Đức – Núi Vú (tây Kontum)	-Khâm Đức-Nguyễn Văn Trang 1985 - Núi Vú – Kolida 1991	NP_3 – $\mathcal{E}_1kv$	Gồm các nhóm đá sau ***amphibolit*** Khâm Đức, ***Gneis amphibolit*** Trà Đơn, ***gneis biotit*** Tiên An, ***gabbro amphibolit*** Tà Vi, ***metaultra mafic*** Hiệp Đức, ***Metacacbonat*** Thạch Mĩ, ***plagiogranit gneis*** Nậm Nin, đá phiến kết tinh giàu nhôm Hưng Nhượng. Phức hệ có quan hệ kiến tạo với phức hệ Ngọc Linh nằm dưới và bất chỉnh hợp với hệ tầng A Vương tuổi Cambri giữa – Ordovic sớm nằm trên, đồng thời bị granit của phức hệ Chu Lai xuyên cát và gây migmatit hóa mạnh mẽ

1- Đá phiến mica với cấu trúc C/S phức hệ Khâm Đức; 2- Đá phiến gneis phức hệ Ngọc Linh; 3- Đá đá phiến phức hệ Sa Thầy; 4- Đá mylonit đới TCTB; 5- Đá granit; 6- Đá granit bị biến dạng; 7- Đá orthogneis granođiorit, điorit; 8- Đá mafic và siêu mafic; 9- Trầm tích Đệ tứ; 10- Đứt gẫy; 11- Phương cấu trúc biến dạng phân phiến S_1; 12- Chiều cắt phải; 13- Đứt gẫy Trà Bồng; 14- Đứt gẫy Hưng Nhượng; 15- Đứt gẫy Pô Kô

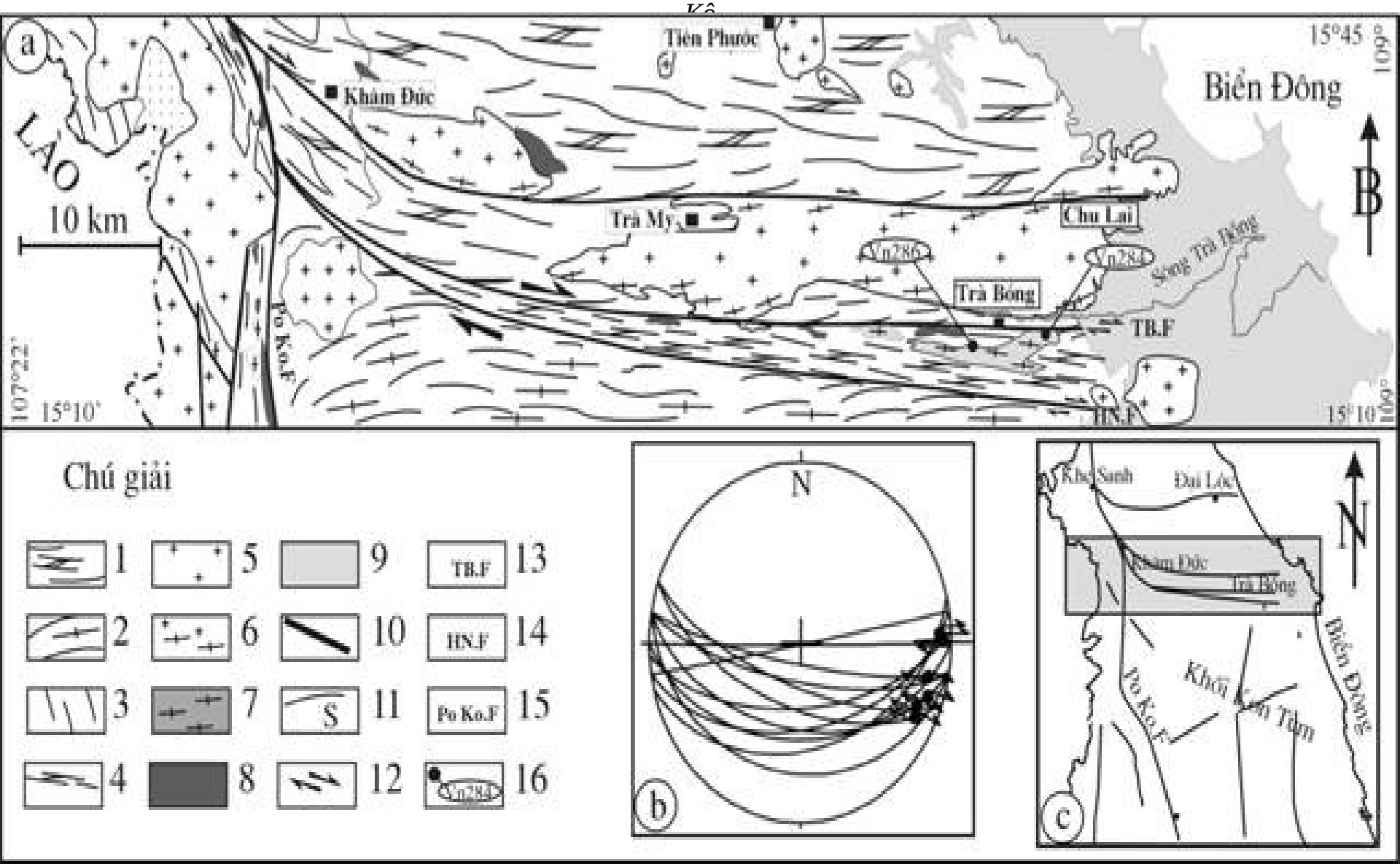

To be continued...

II. Dãy cambri trung – Ordovic ha

stt	Tên địa tầng	Địa danh xác lập hệ tầng	Tác giả xác lập	Tuổi	Đặc điểm thạch học chủ yếu
1	Phong Hanh	Vùng núi phong hanh bắt đầu từ Diễn Điền – Ngân Sơn qua Phong Niên đến núi Đào và Quy Nhơn .	Trần Tính , nnk 1997	$\mathcal{E}_3$–O_1ph	-ở Phong Hanh:gặp *argilit*, đá phiến sét đen, đá phiến silic phân giải, đá hoa dolomit (200-400m) -chợ Đào: gặp cát kết dạng quarzit, *argilit*, đá phiến có andalusit và đá phiến silic chứa các vi mạch thạch anh. Manhetit lấp đầy khe nứt (300-400m_ -ở Diễn Điền, Hồi Tín kéo đến Phong Niên gặp đá phiến thạch anh sericit phân lớp mỏng xen quarzit xám sáng (500m) -ở vùng Quy Nhơn: hệ tầng lộ ra dọc đường xe lửa từ núi Bình Thạch vào thành phố, đá phiến argilit màu hồng(300-500m), cát kết dạng quarzit xám chứa các thấu kính cuội kết(500m), và cuội sạn kết đa khoáng (100-200m) - Hệ tầng nằm không chỉnh hợp trên các đá biến chất tiền cambri thuộc khối Kon Tum và không chỉnh hợp

III. Dãy devon – cambri hạ

stt	Tên địa tầng	Địa danh xác lập hệ tầng	Tác giả xác lập	Tuổi	Đặc điểm thạch học chủ yếu
1	Cư Brei	Được phát hiện ở Kon Tum, miền Nam Việt Nam. Hệ tầng phân bố trong 1 phức nếp lõm theo phương TB-ĐN, dài 6km, rộng 3km	Thân Đức Duyện 2003	$D_1 cb$	-Phần dưới bất chỉnh hợp trên granodiorit thuộc pha 2 phức hệ Diên Bình là trầm tích lục nguyên như cuội kết, sạn kết, cát kết, trên cùng là bột kết, sét kết dày khoảng 175m. -Phần trên chỉnh hợp trên phần dưới là đá phiến talc, tiếp đến là trầm tích cacbonat, dolomit xen các lớp đá phiến sét vôi, đá phiến sét sericit, sét bột kết. Trên cùng là là đá vôi dolomit màu xámtrắng, đa vôi xám đen, xám nhạt.Dày kgoảng 250m. Các tập đá vôi màu xám đen chứa hóa thạch san hô vách đáy và lỗ tầng tảo devon sớm, ngoài ra còn có di tích tảo.

Hệ tầng Cư brei ở huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

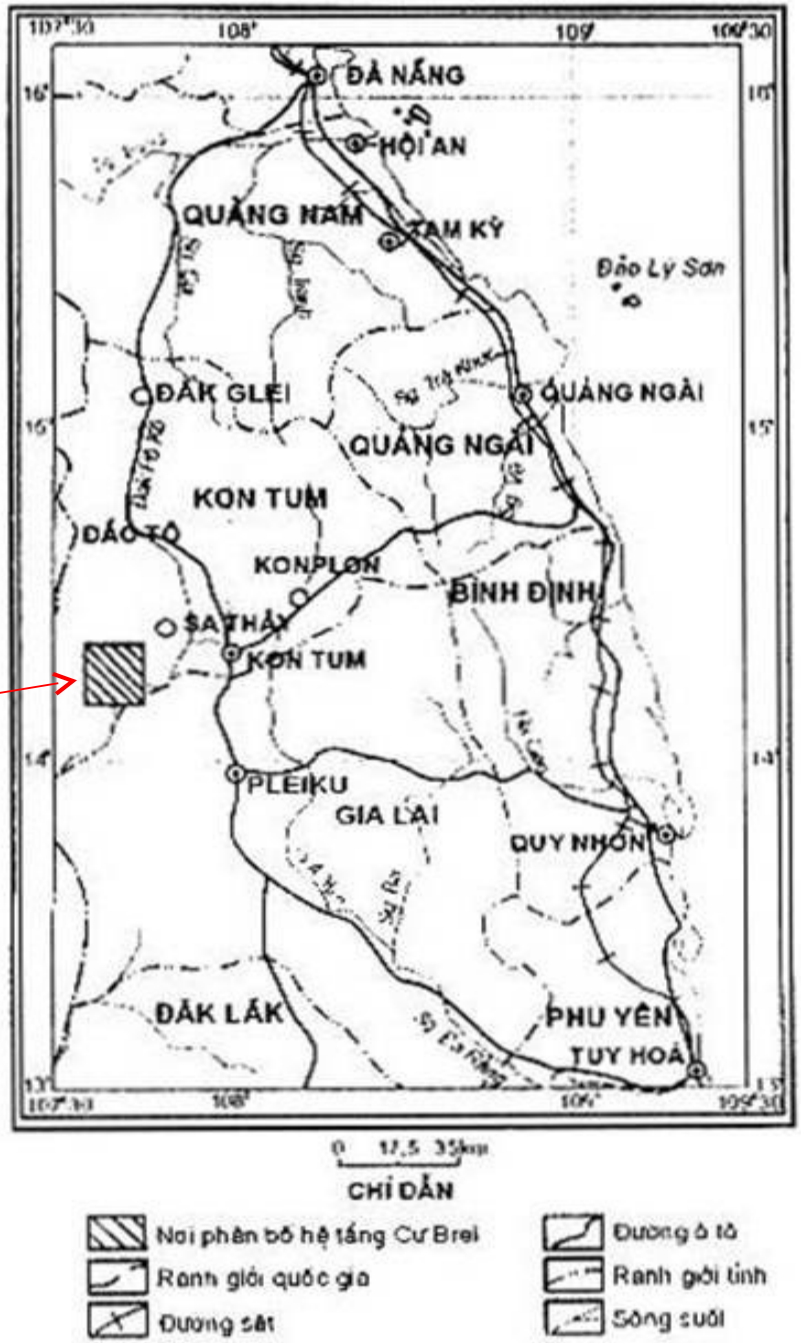

2	Hòn heo	tỉnh Kiên Giang. Mũi hòn Chem qua mũi ông Thoa, cảng hòn Chông.	Fontaine H 1968	*devon*	Phần cát kết thạch anh hạt nhỏ xen các lớp đá phiến mỏng, đá phiến chứa nhiều vảy mica. Cát kết thạch anh xen luân phiên các lớp bột kết thạch anhvà sét kết. Dày 450m Chỉnh hợp với hệ tầng Hà Tiên

IV. Dãy cacbon hạ - permi

stt	Tên địa tầng	Địa danh xác lập hệ tầng	Tác giả xác lập	Tuổi	Đặc điểm thạch học chủ yếu
1	Đăk Lin	Chủ yếu ở lãnh thổ tỉnh Đăk Lăk, ngoài ra cũng gặp ở một vài nơi như vùng suối Cao và bán đảo Hòn Gốm.	Nguyễn Kinh Quốc, nnk 1982	$C_3 – P_1$ *dl*	Đá phiến sét, bột kết, cát kết,silic, đá phun trào andesito bazan, andezit porphyr(5-15m) và tuf của chúng , cuội kết, aglomerat dày 200m. Andezit porphyr và tuf hạt mịn, ít đá silic, silic dạng ngọc bích xanh, sét kết, bột kết, sét vôi chứa hóa thạch tay cuội, rêu động vật và Huệ biển bảo tồn xấu dày 150-170m. hệ xen kẽ các lớp mỏng andezit porphyr, andesito bazan, dacit, ryodacit, đá vôi, sét vôi và ngọc bích đỏ, dày 200-250m, tuf của andezit chứa trùng lỗ schwagerina, pseudofusulina sp, verbeekina sp, parafusilína sp, bradyina sp. bị hệ tầng Đắc Bùng phủ chỉnh hợp.

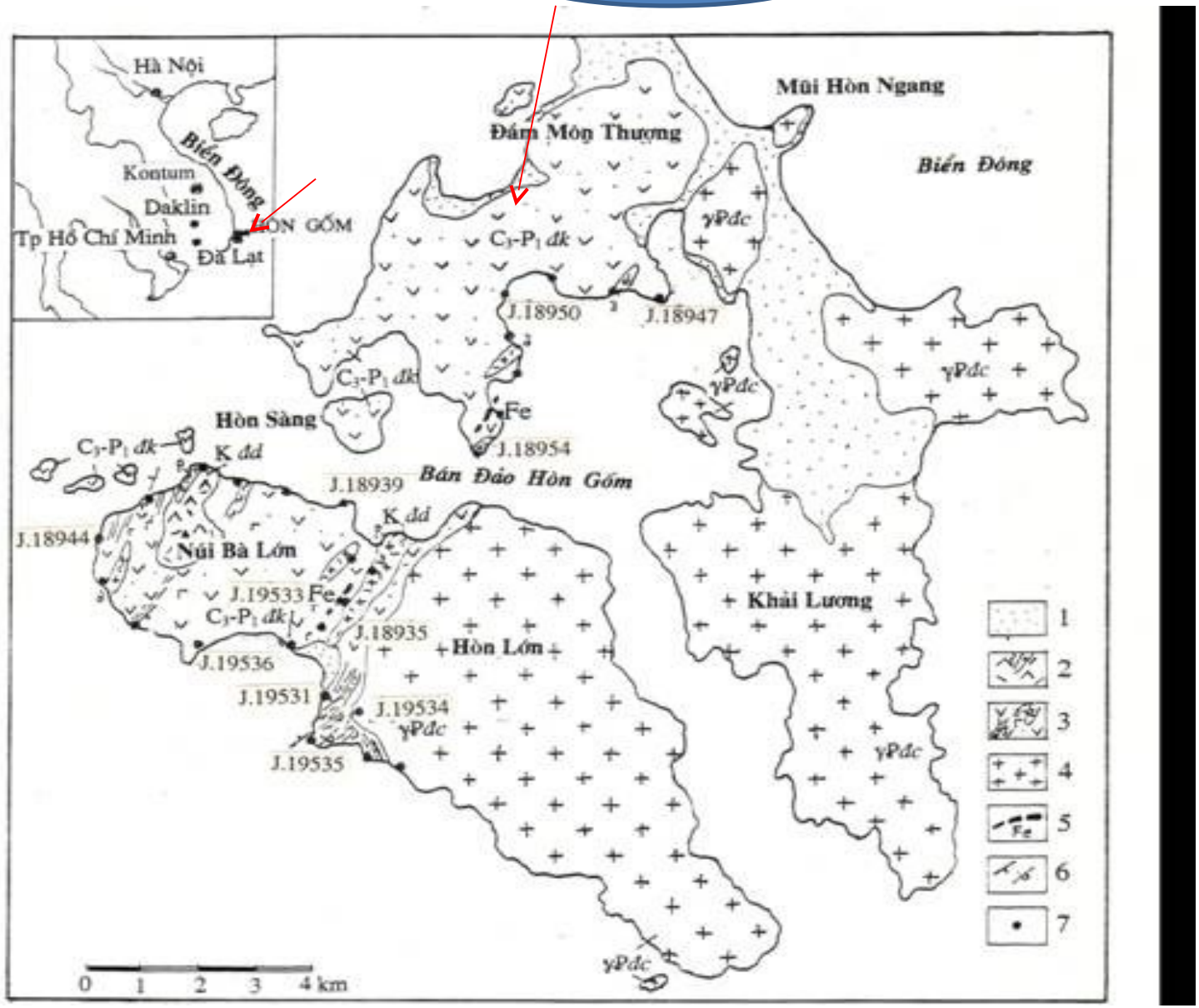
Hệ tầng
Đăk Lin
Hà Nội
Biển Đông
Kontum
Daklin
Tp Hồ Chí Minh
Đà Lạt
ON GỐM
Đám Mộn Thượng
Mũi Hòn Ngang
Biển Đông
C3-P1 dk
γPđc
J.18950
J.18947
Hòn Sàng
Fe
J.18954
K đd
J.18939
Bán Đảo Hòn Gốm
J.18944
Núi Bà Lớn
J.19533
J.18935
Hòn Lớn
J.19536
J.19531
J.19534
J.19535
Khải Lương
0 1 2 3 4 km
1
2
3
4
5
6
7

stt	Tên địa tầng	Địa danh xác lập hệ tầng	Tác giả xác lập	Tuổi	Đặc điểm thạch học chủ yếu
2	Hà Tiên	Dọc theo bờ biển Hà Tiên từ biên giới với campuchia đến mũi hòn Chông	Lê Thị Viên 1959	P_1- $_2$ ht	Dày khoảng 200-350m gồm: + đá vôi hạt mịn màu xám sáng đến xám sẫm phân lớp dày hoặc dạng khối chưa phong ohú trùng lỗ và san hô dày 100-150m. + Đá vôi hạt thô đen hăọc xám sáng chứa nhiều đốt thân Huệ bản và ít hóa thạch trùng lỗ dày khoảng 100-200m. + Ngoài đá vôi ở hòn Chông, tây nam châu Hang và chân hòn Bà gặp sét vôi chưa phong phú hóa thạch trùng lỗ. Có tiếp xúc với các thành tạo cổ hơn và trẻ hơn trong vùng phân bố.

Hình 17: Cát kết chứa Trùng lỗ của hệ tầng Đắc Lin. Ảnh của Nguyễn Kinh Quốc

3	Đất Đỏ	Phân bố ở một số đảo ở quần đảo Nam Du, Vịnh Thái Lan.	Nguyễn Hữu Hùng, Trần Minh Khang 2001	$P_{2\ dd}$	Mặt cắt đặc trưng ở bờ tây đảo Nam Du dày 240m: + Bột kết xám đen phong hóa có màu tím nâu loang lổ dày 60m, chứa hóa thạch gồm rêu động vật và tay cuội. + Cát kết hạt nhỏ và vừa màu vàng nâu, xen kẽ luân phiên với bột kết dày 120m chứa hóa thạch gồm Huệ biển, tay cuội. + Sét kết vàng nhạt kết cấu rắn chắc dày khoảng 60m. Quan hệ với kiến tạo với hệ tầng Hòn Ngang nằm trên, quan hệ với hệ tầng nằm dưới chưa xác đinh được.

4	Chư Prông	Phân bố ở các vùng Kon Tum, Chư Prông, Tiêu Teo, Chư Klin, Chư Kết, Đắc Nao và một số nơi khác.	Nguyễn Kinh Quốc 1988	$P_3c\ cp$	Dày khoảng 500-600m, bắt đầu bằng aglomencit, tuf andezit, tuf andezitdacit, cuội sạn kết, tuf ryolit, felsit porphyr dày 150-200m, chuyển lên dacit, ryodacit, các lớp mỏng andesito dacit, andesito bazan và tuf của chúng dày 150m, trên cùng là felsit, ryolit, ryodacit và tuf của chúng dày 100-230m. Phủ không chỉnh hợp lên hệ tầng Đăk Lin ở vùng Đắc Nao, không chỉnh hợp dưới hệ tầng Đrây Linh ở vùng Chư A Mừng.

5	Tà Nốt	Vùng thượng lưu sông Sài Gòn, nơi sông chảy giữa biên giới Việt Nam-Campuchia	Nguyễn Xuân Bao 1995	$P_{3\ C\ tn}$	Dày khoảng 300m,gồm cát kết , sạn kết, chứa ít lớp mỏng đá phiến sét than, chuyển lên đá phiến sét, bột kết xen ít cát kết xám, chứa tay cuội permi muộn. Nằm chỉnh hợp dưới đá vôi Hớn Quản.
6	Tà Vạt	Thượng lưu sông Sài Gòn, mặt cắt đặc trưng gần làng Tà Vạt nằm ở biên giới Việ Nam – Campuchia. Thuộc huyện Bình Long.	Ma Kông Cọ và nnk 2001	$P_3\ c\ tv$	Bề dày 100-150m, gồm đá vôi xám phân lớp dày xen sét vôi xám đen, chứa trùng lỗ permi muộn, chuyển lên đá vôi xám trắng dạng khối, đá vôi xám đen phân lớp dày chứa trùng lỗ Changhsing. Nằm chỉnh hợp trên hệ tầng Tà Nót có thể nằm chỉnh hợp dưới trầm tích lục nguyên của hệ tầng sông Sài Gòn.

THE END